

TÍN DỤNG PHI CHÍNH THỨC ĐỐI VỚI HỘ NGHÈO: TRƯỜNG HỢP NGHIÊN CỨU TẠI TỈNH THÁI NGUYÊN

Lê Thị Phương¹, Nguyễn Hữu Thu²

Tóm tắt

Nghiên cứu này được thực hiện nhằm đánh giá nhu cầu tín dụng phi chính thức, thực trạng tiếp cận và mục đích sử dụng tín dụng phi chính thức của hộ nghèo trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên với dữ liệu sơ cấp thông qua điều tra khảo sát 300 hộ nghèo. Kết quả nghiên cứu cho thấy tỷ lệ hộ nghèo tiếp cận với tín dụng phi chính thức là tương đối cao thông qua các hình thức vay mượn từ anh, em, bạn bè, làng xóm; vay nóng (vay nặng lãi); vay qua phường, họ; tín dụng tư thương và cầm đồ. Mục đích sử dụng tín dụng phi chính thức của hộ nghèo rất đa dạng và ít có tác động đáng kể trong giảm nghèo.

Từ khóa: tín dụng, phi chính thức, hộ nghèo, Thái Nguyên.

INFORMAL CREDIT FOR POOR HOUSEHOLDS: A CASE STUDY IN THAI NGUYEN PROVINCE

Abstract

This study aims to assess the demand for informal credit, the status of access, and the purpose of using informal credit by poor households in Thai Nguyen province, with primary data from a survey of 300 poor households. The results show that the rate of poor households accessing informal credit is relatively high through various forms such as borrowing from siblings, friends, neighbors; usury (high-interest); borrowing through community groups; private credit and pawn services. The purposes of using informal credit by poor households are diverse and have little significant impacts on poverty reduction.

Keywords: credit, informal, poor households, Thai Nguyen.

JEL classification: H81, R2.

1. Mở đầu

Đa phần người dân nghèo đều bị hạn chế về tài chính, điều này gây cản trở đến các quyết định của họ trong việc thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh tạo thu nhập. Do đó, các khoản vay được đúng lúc thường sẽ giúp họ có được một khoản vốn để tiến hành các hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra thu nhập. Barslund và Tarp (2008) cho rằng, tín dụng có thể giúp nâng cao mức sống hoặc ít nhất cũng giúp trang trải các chi phí sinh hoạt thiết yếu hàng ngày. Cung cấp tín dụng một cách có hiệu quả cho người nghèo sẽ giúp họ đối phó với tính dễ tổn thương, xóa bỏ và làm giảm nhẹ tình trạng hộ gặp khó khăn trong thanh khoản cả cho sản xuất và cho tiêu dùng để hộ có thể đưa ra những quyết định sản xuất và tiêu dùng tối ưu và do đó có thể giảm nghèo (Duong và Izumida, 2002).

Tuy nhiên, những người nghèo thường bị hạn chế trong việc tiếp cận với những khoản vay tín dụng chính thức, thứ nhất do người nghèo thiếu tài sản đảm bảo hoặc do không có người bảo lãnh khi vay, thứ hai, các tổ chức tín dụng cho rằng chi

phí giao dịch cho một khoản vay của người nghèo bất kể lớn hay nhỏ thường cao hơn các khoản vay của các đối tượng khác (Thu và cs, 2020). Mặt khác, nếu xem xét đến các yếu tố rủi ro, thì rõ ràng những khoản vay của người nghèo thường mang lại rủi ro cao cho các tổ chức (Thu và Dương, 2018). Như vậy, người nghèo không thể được hưởng lợi từ các khoản vay tín dụng chính thức trong việc cải thiện và nâng cao đời sống của họ. Do đó, họ tìm đến thị trường tín dụng phi chính thức để giảm bớt những gánh nặng tài chính của họ. Điều đó cho thấy thị trường tín dụng phi chính thức luôn là một nguồn tài chính quan trọng cho người nghèo (Cuong và Marrit, 2014).

Ở khu vực nông thôn Việt Nam, theo CIEM, UNU-WIDER, ILSSA (2016) các hộ nghèo nhất và dễ bị tổn thương nhất thường gặp khó khăn trong việc tiếp cận với tín dụng từ khu vực chính thức. Chính sự hạn chế của khả năng tiếp cận nguồn vốn tín dụng từ khu vực chính thức, hộ nghèo đã phải tìm đến nguồn tín dụng phi chính thức để đáp ứng nhu cầu chi tiêu cấp bách phát sinh hàng ngày cũng như nhu cầu vốn cho sản

xuất. Cường và Marrit (2014) cho rằng thị trường tín dụng phi chính thức là một nguồn tài chính quan trọng cho người nghèo ở Việt Nam khi có tới 26,3% (2010) và 20,5% (2012) hộ nghèo đã tiếp cận với nguồn tín dụng phi chính thức. Một nghiên cứu của Barslund và Tarp (2008) tại Việt Nam cho thấy có đến 36% số giao dịch tín dụng ở nông thôn là phi chính thức, đặc biệt ở Phú Thọ, tín dụng phi chính thức chiếm đến 50% tổng số giao dịch. Như vậy có thể thấy tín dụng phi chính thức đóng một vai trò nhất định trong việc tăng cường và bổ sung khả năng tiếp cận vốn của hộ nghèo để mua sắm vật tư, đầu tư sản xuất kinh doanh hay tiêu dùng.

Tín dụng phi chính thức hiện diện ở khu vực nông thôn, miền núi tỉnh Thái Nguyên nhờ những ưu thế mà các tổ chức tín dụng chính thức không có được đó là khả năng tiếp cận vốn rất dễ dàng, thủ tục giấy tờ đơn giản, không cần tài sản thế chấp, linh hoạt trong cho vay, đáp ứng được đầy đủ nhu cầu của người vay về thời điểm, về số tiền, kỳ hạn cũng như sự am hiểu người vay (Thu và Phương, 2020). Lấy vùng miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng nông thôn và các hộ nghèo của tỉnh Thái Nguyên làm trung tâm, nghiên cứu này hướng tới mục tiêu đánh giá nhu cầu tín dụng tín dụng phi chính thức, các hình thức tín dụng phi chính thức của hộ nghèo, tìm hiểu lý do tại sao hộ nghèo lại tiếp cận với tín dụng phi chính thức? tiếp cận để làm gì? Đó là những vấn đề cấp bách đặt ra, cần phải được làm rõ để góp phần tạo điều kiện cho thị trường tín dụng nông thôn tỉnh Thái Nguyên hoàn thiện và phát triển.

2. Phương pháp nghiên cứu

Số liệu được sử dụng trong nghiên cứu là số liệu sơ cấp được thu thập, điều tra trực tiếp từ các hộ nghèo có tiếp cận và không tiếp cận nguồn tín dụng phi chính thức trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên qua 3 năm (2020-2022) thông qua bảng câu hỏi chuẩn bị sẵn và được tiến hành điều tra năm 2023.

Các huyện được lựa chọn để nghiên cứu dựa trên đặc điểm điều kiện tự nhiên, thể mạnh phát triển kinh tế từng vùng và tỷ lệ hộ nghèo của các vùng trên địa bàn. Theo đó, vùng núi cao chọn huyện Võ Nhai, đại diện cho vùng khó khăn về phát triển kinh tế, có tỷ lệ hộ nghèo cao nhất toàn tỉnh 16,28%; Vùng đồi cao, núi thấp chọn huyện Phú Lương, đại diện cho vùng có điều kiện thuận

lợi phát triển trồng trọt, lâm nghiệp, có tỷ lệ hộ nghèo 3,83%; Vùng nhiều ruộng, đồi thấp chọn huyện Phú Bình, đại diện cho vùng có điều kiện thuận lợi phát triển nông lâm nghiệp, ngành nghề, dịch vụ, có tỷ lệ hộ nghèo 4,18%.

Từ các huyện lựa chọn các xã đại diện cho từng vùng để nghiên cứu. Đối với huyện Võ Nhai, nghiên cứu chọn xã Nghinh Tường đại diện cho vùng núi cao đá vôi, có tỷ lệ hộ nghèo cao; xã Tràng Xá đại diện cho vùng núi thấp, có tỷ lệ hộ nghèo trung bình và xã Lâu Thượng đại diện cho vùng gò đồi, có tỷ lệ hộ nghèo thấp. Đối với huyện Phú Lương, các xã được lựa chọn gồm xã Phú Đô đại diện cho vùng đồi thấp, có tỷ lệ hộ nghèo cao; xã Yên Ninh đại diện cho vùng đồi núi, có tỷ lệ hộ nghèo trung bình; xã Đông Đạt đại diện cho vùng đồng bằng, có tỷ lệ hộ nghèo thấp. Đối với huyện Phú Bình, các xã được lựa chọn gồm xã Tân Hoà đại diện cho vùng tả ngạn sông máng, có tỷ lệ hộ nghèo cao; xã Nga My đại diện cho vùng nước máng Núi Cốc, có tỷ lệ hộ nghèo trung bình và xã Xuân Phương đại diện cho vùng nước máng Sông Cầu, có tỷ lệ hộ nghèo thấp.

Tổng số hộ nghèo huyện Võ Nhai là 2.897 hộ, huyện Phú Lương là 1.053 hộ, huyện Phú Bình là 1.640 hộ. Sau khi tính toán, số mẫu cần điều tra $n = 373$ hộ. Tuy nhiên, do kinh phí thực hiện hạn hẹp, tác giả rút số mẫu điều tra xuống còn 300 hộ. Căn cứ vào số hộ nghèo tại 3 huyện, nghiên cứu tính ra số hộ cần điều tra tại huyện Võ Nhai là 153 hộ, huyện Phú Lương là 60 hộ, huyện Phú Bình là 87 hộ. Từ số hộ nghèo tại các huyện, nghiên cứu tính ra số hộ nghèo cần điều tra tại các xã. Sau khi xác định được số hộ cần điều tra, nghiên cứu dựa vào danh sách hộ nghèo do UBND xã cung cấp và chọn hộ điều tra theo phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên.

Để phân tích số liệu tác giả đã sử dụng phương pháp thống kê mô tả kết hợp với một số phương pháp định tính nhằm mô tả thực trạng nhu cầu tín dụng phi chính thức, các hình thức tín dụng phi chính thức và mục đích sử dụng tín dụng phi chính thức của hộ nghèo.

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Nhu cầu tín dụng phi chính thức của hộ nghèo

Tín dụng phi chính thức đóng một vai trò quan trọng nhất định trong việc đáp ứng nhu cầu

về vốn cho hộ nghèo, đây cũng là lĩnh vực đa dạng nhất của thị trường tín dụng nông thôn về nhà

cung cấp, loại hình, quy mô vốn vay, lãi suất, thời hạn cũng như hình thức trả nợ.

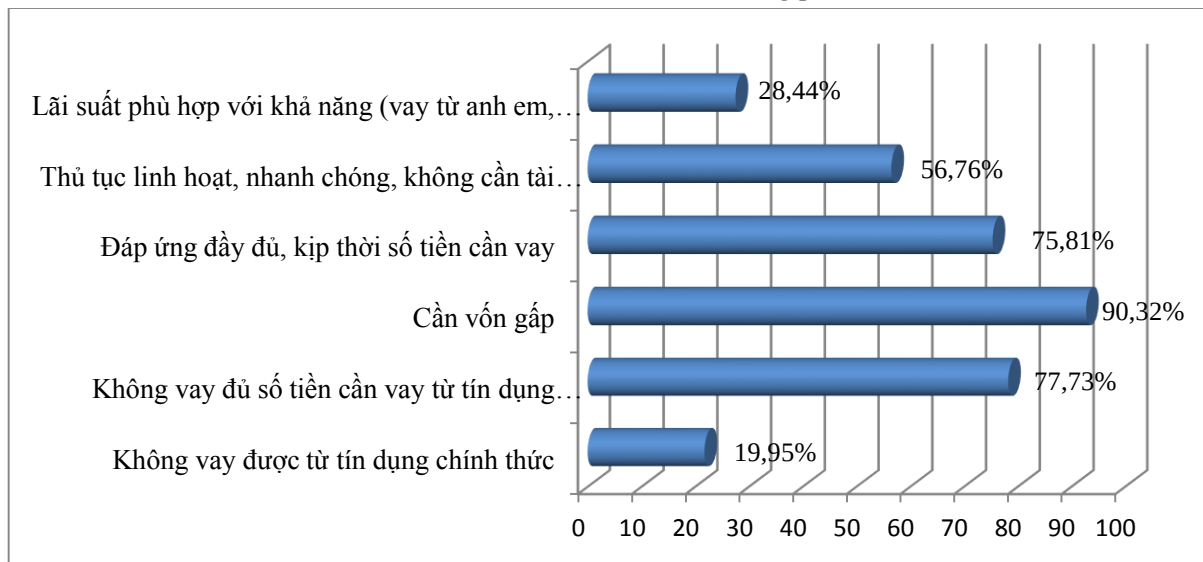
Bảng 01: Kết quả khảo sát nhu cầu tín dụng phi chính thức của hộ nghèo

Chỉ tiêu	Số quan sát	Tỷ lệ (%)
Tổng số hộ điều tra	300	100
- Hộ không vay	82	27,33
- Hộ có vay	218	72,67
Trong đó:		
Hộ đã vay từ các nguồn tín dụng chính thức	189	86,70

Kết quả tổng hợp cho thấy trong số 300 hộ điều tra có 218 hộ có vay vốn từ các nguồn tín dụng phi chính thức, chiếm tỷ lệ 72,67%, 82 hộ không vay, chiếm tỷ lệ 27,33%. Trong số 218 hộ có vay từ các nguồn tín dụng phi chính thức, có tới 86,70% số hộ đã vay từ các nguồn tín dụng chính thức, nhưng những khoản vay này chưa đủ số lượng vốn mà hộ cần vay, hoặc do đang vay ở các tổ chức tín dụng chính thức nhưng lại phát sinh nhu cầu tín dụng mới, cấp thiết hơn nên bắt buộc hộ phải vay từ các nguồn tín dụng phi chính thức. Số hộ vay cả 2 nguồn tín dụng chính thức

Nguồn: Tổng hợp từ số liệu điều tra năm 2023 và phi chính thức là 189 hộ, chiếm 63% tổng số hộ điều tra.

Kết quả này phản ánh một thực tế đó là, nhiều hộ nghèo không thỏa mãn hoặc chưa thỏa mãn nhu cầu về vốn từ các nguồn chính thức, do đó họ đã phải tìm đến các nguồn tín dụng phi chính thức nhằm bù đắp phần thiếu hụt này cho các nhu cầu chi tiêu phát sinh hàng ngày như ốm đau, bệnh tật, ma chay, cưới hỏi, con cái học hành... và cho phát triển sản xuất. Như vậy, có thể thấy nhu cầu về tín dụng của hộ nghèo là tương đối lớn và đa dạng. Vậy đâu là lý do mà hộ nghèo tiếp cận với nguồn vốn tín dụng phi chính thức.



Biểu đồ 01: Lý do hộ nghèo vay tín dụng phi chính thức

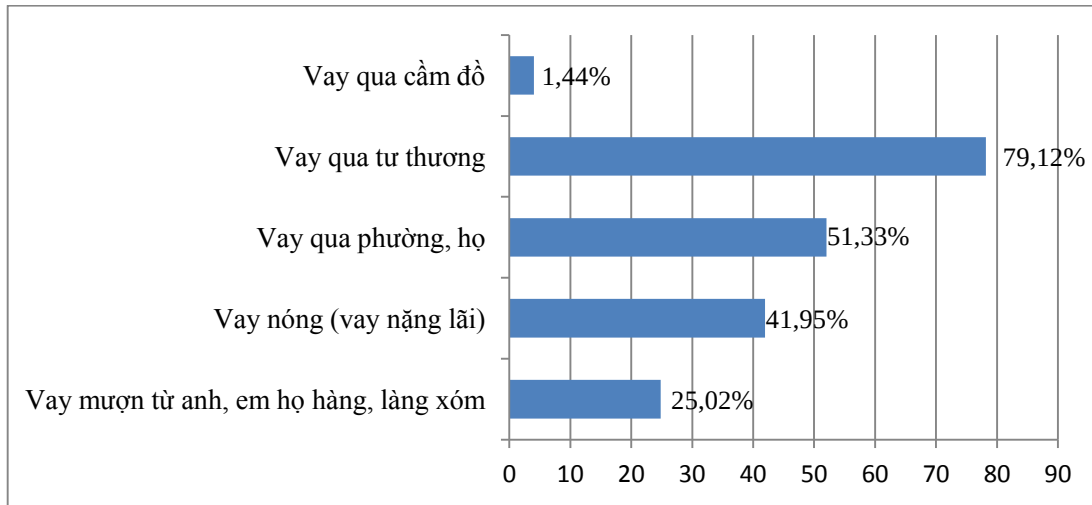
Tổng hợp kết quả điều tra về lý do hộ nghèo vay vốn từ nguồn phi chính thức thì có đến 90,32% số hộ cho rằng họ có nhu cầu gấp về vốn để giải quyết các tình huống khẩn cấp (thường là liên quan đến sức khỏe và nhu cầu thiết yếu của hộ nghèo), 75,81% số hộ cho rằng tín dụng phi chính thức đáp ứng đầy đủ, kịp thời số tiền họ cần

Nguồn: Tính toán của tác giả từ số liệu điều tra năm 2023 vay, 56,76% số hộ cho rằng thủ tục vay linh hoạt, nhanh chóng, thời gian giải ngân nhanh và thường là trong ngày sau khi hai bên đạt được thỏa thuận và có thể đảm bảo các khoản vay bằng tài sản hoặc “niềm tin”. Tuy nhiên, có một điểm cũng cần lưu tâm đó là có tới 77,73% số hộ cho rằng họ đã tiếp

cận được tín dụng chính thức nhưng không vay đủ số tiền cần vay.

3.2. Các hình thức tín dụng phi chính thức cho hộ nghèo

Các hình thức tín dụng phi chính thức cho hộ nghèo ở khu vực nông thôn hiện nay chủ yếu bao gồm: vay mượn từ anh, em, họ hàng, bạn bè, làng xóm; vay nóng (vay nặng lãi); phường, họ; tín dụng tư thương; cầm đồ.



Biểu đồ 02: Cơ cấu các hình thức tín dụng phi chính thức

Vay qua tư thương:

Hình thức tín dụng phi chính thức phổ biến nhất của các hộ nghèo đó là vay qua tư thương, khi chiếm tới 79,12%, đây chủ yếu là các cửa hàng, đại lý cho vay tư liệu phục vụ cho sản xuất từ giống, phân bón, thuốc trừ sâu đến máy móc phục vụ trong sản xuất cho hộ nghèo. Trong quan hệ tín dụng này, vốn vay là vốn hiện vật, vốn trả là vốn bằng tiền, thủ tục vay đơn giản, chỉ là sự trao đổi hàng hóa, vật tư và người mua phải ký vào sổ nợ của người bán. Lãi suất được tính luôn vào giá cả hàng hóa, vật tư khi mua chịu hoặc có thể không tính lãi tùy thuộc vào mối quan hệ giữa người mua và người bán hoặc đặc điểm tính chất

Nguồn: Tính toán của tác giả từ số liệu điều tra năm 2023 của hàng hóa và số lượng hàng chịu nợ, lãi suất mua chịu giao động từ 0%-2,2%/tháng. Thời gian chịu nợ ngắn nhất là 8 ngày, dài nhất là 120 ngày theo khả năng trả nợ và chu kỳ sản xuất kinh doanh của hộ.

Với hình thức tín dụng này hộ nghèo sẽ có ngay các loại tư liệu phục vụ cho sản xuất, vừa đáp ứng kịp thời mùa vụ vừa không phải mất thời gian để tìm nguồn vay tiền rồi mới tìm nơi mua vật tư. Tuy nhiên, hình thức cho vay này tiềm ẩn nhiều rủi ro đối với các chủ tư thương trong việc thu hồi nợ, bởi những thiên tai, dịch bệnh hay tình trạng được mùa thì mất giá, được giá thì mất mùa mà hộ gặp phải.

Bảng 02: Hoạt động vay qua tư thương của hộ nghèo

Chỉ tiêu	Kết quả
1. Hình thức đảm bảo khi vay vốn	Tín chấp
2. Thủ tục vay	Ký sổ nợ
3. Lãi suất vay (%/tháng)	0-2,2%
4. Mức vốn vay (triệu đồng)	0,5-6,5
5. Thời hạn vay (ngày)	8-120

Vay qua phường, họ

Hình thức vay qua phường, họ cũng khá phổ biến ở khu vực nông thôn khi chiếm tới 51,33% hộ nghèo tham gia. Đây là hình thức mang tính

Nguồn: Tổng hợp số liệu điều tra năm 2023 chất tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau và những người tham gia thường có quan hệ anh, em, bạn, bè, họ, hàng, làng xóm. Cách thức hoạt động của phường, họ do các thành viên tham gia cùng hợp

bàn thống nhất, kết quả điều tra cho thấy mỗi một phường, họ thường có từ 5-15 thành viên tham gia, với mức vốn góp mỗi lần quy ra tiền từ 0,5 triệu đồng đến 1 triệu đồng, thời gian một thành viên lấy phường, họ từ 1-2 tháng, người nhận khoản vay do cả họ góp lại được xác định bằng cách bốc thăm hoặc có thể theo thứ tự các thành viên tham gia đã được thống nhất.

Bảng 03: Hoạt động vay qua phường, họ của hộ nghèo

Chỉ tiêu	Kết quả
1. Số thành viên tham gia (hộ)	5-13
2. Mức vốn góp/lần (triệu đồng)	0,5-1
3. Thời gian góp/lần (tháng)	1-2
4. Lãi suất (%/tháng)	0

Nguồn: Tổng hợp số liệu điều tra năm 2023

Vay nặng lãi:

Đối với hộ nghèo khi không tiếp cận được hoặc tiếp cận nhưng ở mức hạn chế từ các nguồn tín dụng chính thức hoặc từ các nguồn khác thì vay nóng (vay nặng lãi) hay “tín dụng đen” đã được các hộ lựa chọn, về cơ bản những hộ vay từ hình thức này là những hộ vay để tiêu dùng với những khoản vay nhỏ hoặc những hộ có hoàn cảnh quá khó khăn, cần vốn gấp, đó cũng là lý do khi có tới 41,95% hộ nghèo tham gia hình thức này. Thủ tục vay vốn rất đơn giản chỉ cần một tờ giấy kí kết giao kèo giữa hai bên, thậm chí trong nhiều trường hợp, khi số tiền vay nhỏ hai bên chỉ cần thỏa thuận bằng miệng. Thời gian vay nóng tương đối ngắn, chỉ từ 5-30 ngày với mức vay cũng chỉ từ 2-10 triệu. Lãi suất của hình thức này được tính theo ngày hoặc theo tháng. Nếu lãi suất tính theo ngày, cứ 1 triệu đồng mỗi ngày người vay phải đóng từ 4 nghìn đồng đến 10 nghìn đồng, tức lãi

Đây là hình thức mà hộ nghèo đã lựa chọn để tiết kiệm và tích lũy dần về vốn nhằm phục vụ cho các nhu cầu chi tiêu và đầu tư khi cần thiết, nó phù hợp với hộ nghèo bởi khoản tiền đóng góp theo kỳ là không quá lớn so với thu nhập đồng thời lại dễ dàng vay khi cần vốn. Rủi ro trong tham gia phường, họ dường như không có, vì sự ràng buộc của các mối quan hệ xã hội giữa các thành viên.

suất 0,4%-1%/ngày, nếu lãi suất tính theo tháng thì người vay phải chịu từ 12-25%/tháng.

Đây là hình thức đáp ứng đầy đủ, nhanh chóng, kịp thời nhất nhu cầu về vốn của hộ, bởi nó không bị giới hạn về khối lượng vốn hộ muốn vay cũng như thời gian vay như các hình thức khác. Tuy nhiên, vay qua hình thức này người vay phải chịu lãi suất rất cao. Mặc dù hình thức này hiện bị pháp luật cấm nhưng nó vẫn hoạt động ngầm, diễn ra âm thầm và bùng phát mạnh mẽ trong thời gian qua. Sự nguy hiểm của hình thức này chính là ở chỗ lãi suất cho vay theo nguyên tắc thỏa thuận, khi đã vướng vào thì người vay rất khó để trả được nợ bởi “lãi mẹ đẻ lãi con”, nợ chồng lên nợ. Khi người vay không trả được nợ, cũng là lúc các hình thức đòi nợ thuê, liên quan đến xã hội đen xuất hiện, đã gây ra các tác động tiêu cực đến kinh tế, an ninh, xã hội trên địa bàn.

Bảng 04: Hoạt động vay nóng (vay nặng lãi) của hộ nghèo

Chỉ tiêu	Kết quả
1. Hình thức đảm bảo khi vay vốn	Tín chấp
2. Thủ tục vay	Giấy nhận nợ
3. Lãi suất vay	
- Theo ngày (%/ngày)	0,4-1
- Theo tháng (%/tháng)	12-25
4. Mức vốn vay (triệu đồng)	2-10
5. Thời hạn vay (ngày)	4-30

Nguồn: Tổng hợp số liệu điều tra năm 2023

Vay từ anh, em, họ hàng, làng xóm:

Các khoản vay từ anh, em, họ, hàng, làng xóm chiếm 25,02%. Kết quả phỏng vấn cho thấy mục đích của những khoản vay này thường phục

vụ cho tiêu dùng là chủ yếu, đặc biệt là khi hộ nghèo có nhu cầu đột xuất như làm nhà, ốm đau, ma chay, cưới hỏi..., với mức vay từ 0,5-10 triệu đồng, việc cho vay hoàn toàn mang tính chất

tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau nên lãi suất về cơ bản bằng 0%. Về thời hạn vay, do tính chất trong quan hệ nên người cho vay thường cho phép người đi vay hoàn trả khi nào có nguồn thu nhập, chứ không quy định thời gian hoàn trả cụ thể là bao lâu. Tuy nhiên, cũng có những hộ cho rằng các món vay từ anh, em, họ, hàng, làng, xóm thường vay được ít, thời gian ngắn, khó đáp ứng nhu cầu về vốn, nhiều khi không yên tâm trong việc sử dụng vốn vì có thể bị đòi bất kỳ lúc nào.

Đối với hình thức này, việc cho vay chủ yếu dựa vào lòng tin và mối quan hệ xã hội giữa người đi vay và người cho vay. Lãi suất là một ưu điểm rất lớn của hình thức này, nó thấp hơn cả khu vực chính thức, thậm chí lãi suất bằng 0. Ở nơi mà quan hệ họ hàng, làng xóm chặt chẽ, mang tính gắn kết cộng đồng cao thì đây là nguồn đầu tiên mà hộ nghèo tìm đến, trước cả nguồn tín dụng chính thức. Tuy nhiên, nguồn vay này thường có hạn, chỉ đáp ứng được cho người đi vay khi giá trị khoản vay không lớn hoặc chỉ mang tính chất hỗ trợ bên cạnh các nguồn tín dụng khác.

Vay qua cầm đồ:

Đối với vay qua cầm đồ, đây là hình thức vay ngắn hạn người đi vay cần vốn rất gấp nên phải mang những tài sản có giá trị như xe máy,

điện thoại di động, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ... đến chủ hiệu cầm đồ để nhận lại được một khoản tiền vay. Kết quả cho thấy chỉ có 1,44% hộ nghèo tham gia hình thức vay qua cầm đồ. Hình thức này giúp hộ nghèo giải quyết nhu cầu về vốn một cách nhanh chóng và đơn giản. Tuy nhiên, để vay được từ nguồn này thì hộ nghèo phải có tài sản để đảm bảo, bên cạnh đó lãi suất cho vay của hình thức này thường rất cao, chỉ sau lãi suất cho vay nặng lãi và thời hạn cho vay lại ngắn cho nên nếu quá thời hạn thỏa thuận người vay không đến trả nợ thì khả năng mất tài sản là rất lớn. Bên cạnh đó, sự biến tướng của hình thức này qua việc cầm cố và tiêu thụ những tài sản bất minh cũng đang gây ra những nhức nhối trong xã hội trong thời gian qua.

3.3. Mục đích vay và sử dụng vốn vay của hộ nghèo

Tìm hiểu mục đích sử dụng các khoản vay sẽ giúp nhìn nhận rõ ràng hơn về nhu cầu của hộ nghèo và từ đó có cơ hội để so sánh sự khác biệt giữa mục đích đăng ký vay vốn và thực tế sử dụng vốn vay. Bảng 05 trình bày một so sánh đơn giản về vấn đề này. Tất cả các khoản vay đều có sự chênh lệch giữa mục đích xin vay và thực tế sử dụng vốn vay.

Bảng 05: Mục đích sử dụng vốn vay tín dụng phi chính thức của hộ nghèo

Chỉ tiêu	Mục đích vay (%)	Sử dụng vốn vay thực tế (%)
- Hoạt động nông nghiệp	48,56	30,89
- Hoạt động phi nông nghiệp	15,71	8,44
- Các khoản đầu tư khác	28,33	35,93
- Chi tiêu	13,56	28,57

Khi đi hỏi vay, có 48,56% hộ nói rằng họ sẽ sử dụng khoản vay cho các hoạt động nông nghiệp. Điều này là dễ hiểu bởi các hộ này đều ở khu vực nông thôn và hoạt động tạo thu nhập của hộ cũng chủ yếu từ nông nghiệp. Tuy nhiên, khi phân tích mục đích sử dụng thực tế của các khoản vay thì chỉ có 30,89% hộ thực sự dùng tiền đi vay để chi cho các hoạt động liên quan đến nông nghiệp, còn 17,67% hộ không sử dụng khoản vay cho hoạt động này. Tương tự là hoạt động phi nông nghiệp, trong 15,71% hộ vay cho mục đích phi nông nghiệp thì chỉ có 8,44% hộ sử dụng khoản vay đúng cam kết, còn 7,27% hộ sử dụng khoản vay vào mục đích khác. Các hoạt động đầu tư khác và chi tiêu thì ngược lại, mục đích sử dụng thực tế các khoản vay cao hơn so với mục đích xin

Nguồn: Tổng hợp từ số liệu điều tra năm 2023

vay ban đầu. Có một thực tế đó là hộ nghèo luôn có sự xê dịch trong sử dụng vốn vì vấn đề sinh kế và không tách biệt được vốn sản xuất với các vốn khác. Hộ nghèo không chỉ cần tiền cho sản xuất kinh doanh mà còn cần tiền trang trải các nhu cầu thiết yếu khác như điện, nước, đóng tiền học phí cho con, chữa bệnh, đám cưới, đám ma.... Sự khác biệt giữa mục đích sử dụng thực tế với mục đích xin vay ban đầu đã phản ánh nhu cầu thực sự của các hộ khi đi vay vốn. Từ đó đem đến xu hướng ngày càng có nhiều hoạt động tín dụng cho mục đích khác ngoài sản xuất kinh doanh.

4. Kết luận

Kết quả nghiên cứu đã cho thấy bức tranh tổng thể về nhu cầu tín dụng phi chính thức cũng như các hình thức tín dụng phi chính thức của hộ

nghèo ở khu vực nông thôn, miền núi tỉnh Thái Nguyên. Những hình thức tín dụng này đã có những đóng góp nhất định trong việc đáp ứng nhu cầu về vốn phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, phi nông nghiệp và tiêu dùng trong ngắn hạn của hộ nghèo. Tuy nhiên, những tác động tích cực của tín dụng phi chính thức đối với hộ nghèo còn nhiều hạn chế, hiệu quả nó mang lại còn thấp.

Tạo cầu nối giữa tín dụng chính thức và tín dụng phi chính thức, bởi nếu khai thác và phối hợp được thế mạnh của hai khu vực này sẽ đảm bảo có được nhiều dòng tín dụng hơn cho người nghèo. Trong khi khu vực chính thức có thể cho vay với lãi suất thấp hơn thì khu vực phi chính thức tuy lãi suất cao hơn (hoặc không lãi suất) nhưng lại có cơ chế hoạt động linh hoạt hơn, nhanh nhạy hơn, đáp ứng được đầy đủ những nhu cầu mà hộ nghèo cần.

Tăng cường sự quản lý, giám sát của chính quyền và các tổ chức chính trị xã hội đối với một số hình thức tín dụng phi chính thức mang tính

nhạy cảm như vay nặng lãi (tín dụng đen), cầm đồ. Hiện nay việc giám sát, quản lý một số hình thức tín dụng này dường như đang bị bỏ ngỏ ở một số địa phương, nhiều tiêu cực và những biến tướng xuất phát từ những hình thức này đã gây ra những tác động tiêu cực đến kinh tế, an ninh, xã hội trong thời gian gần đây.

Để hộ nghèo tiếp cận được vốn tín dụng chính thức, các TCTD chính thức cần mở rộng mạng lưới, tăng cường phòng giao dịch, điểm giao dịch đến tận xã, khuyến khích phát triển mô hình ngân hàng lưu động ở những vùng khó khăn, nâng cao khả năng tiếp cận và đáp ứng nhu cầu về vốn của hộ bằng việc đa dạng thời hạn vay, quy mô món vay, cách thức giải ngân, các điều kiện, thủ tục vay vốn. Tăng cường hình thức tín chấp thông qua các tổ chức CT - XH cơ sở, giải quyết bằng tín chấp thông qua sự đảm bảo của các tổ chức CT - XH sẽ giúp người nghèo vượt qua tình trạng thiếu vốn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Barslund, M. and Tarp, F. (2008). Formal and informal rural credit in four provinces of Vietnam. *Journal of Development Studies*, Vol. 44 No. 4, pp. 485-503, doi: 10.1080/00220380801980798
- [2] Cuong, N.V. and Marrit, B. (2014). Informal credit, usury, or support? A case study for Vietnam. *The Developing Economies*, Vol. 52 No. 2, pp. 154-178, doi: 10.1111/deve.12042.
- [3] Duong P.B. and Izumida Y. (2002). 'Rural development finance in Vietnam: a microeconomic analysis of household surveys', *World Development*, Vol. 30, No. 2, pp. 319-335, doi:10.1016/s0305-750X(01)00112-7.
- [4] Thu, N.H. and Duong, P.B. (2018). *Impact of formal credit on living standard of poor households in mountainous northern Vietnam*, Enterprise Development and Microfinance, Vol. 29 Nos 3-4, pp. 244-261, doi: 10.3362/1755-1986.00017.
- [5] Thu N.H., Duong P.B. and Tho N.H. (2020). Filling the voids left by the formal sector: informal borrowings by poor households in Northern Mountainous Vietnam. *Agricultural Finance Review*, 81(1), 94-113, doi:10.1108/AFR-12-2019-0134.
- [6] Nguyễn Hữu Thu, Lê Thị Phương. (2020). Tín dụng phi chính thức đối với hộ nghèo khu vực nông thôn: Trường hợp nghiên cứu tại huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên. *Tạp chí Kinh tế Châu á - Thái Bình Dương*, Số cuối tháng 6/2020, trang 36-38.
- [7] Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương (CIEM), Viện Nghiên cứu kinh tế phát triển thế giới của Trường Đại học Liên Hợp Quốc (UNU-WIDER), Viện Khoa học lao động và xã hội (ILSSA). (2016). *Báo cáo: Đặc điểm kinh tế nông thôn Việt Nam bằng chứng từ điều tra hộ gia đình nông thôn tại 12 tỉnh của Việt Nam*.

Thông tin tác giả:

1. Lê Thị Phương

- Đơn vị công tác: Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật - ĐHTN
- Địa chỉ email: lephuong.cdtkkt@gmail.com

2. Nguyễn Hữu Thu

- Đơn vị công tác: Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh

Ngày nhận bài: 28/2/2024

Ngày nhận bản sửa: 19/3/2024

Ngày duyệt đăng: 28/3/2024